



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH(2014) QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

An Tâm Hưng Thịnh(2014) cung cấp cho khách hàng sự bảo vệ an toàn tài chính và tích lũy tài chính ổn định.

Một vài điểm nổi bật của An Tâm Hưng Thịnh(2014)

- **Bảo vệ toàn diện**
 - Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi hợp đồng vẫn còn hiệu lực)
 - Được gia tăng quyền lợi bảo hiểm với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung
- **Gia tăng quyền lợi tiết kiệm**
 - Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
 - Giúp bạn gia tăng tài sản trong ngắn hạn cũng như dài hạn với mức tăng trưởng cam kết tối thiểu là 4 % trong 5 năm đầu của hợp đồng
 - Được hưởng khoản Thưởng duy trì hợp đồng sau mỗi 3 năm của hợp đồng
- **Và linh hoạt hơn bao giờ hết**
 - Sau 4 năm đầu tiên của hợp đồng, có thể chủ động quyết định giá trị và thời gian đóng phí
 - Được thay đổi Số tiền bảo hiểm bất cứ lúc nào
 - Được rút tiền mặt bất kỳ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng

An Tâm Hưng Thịnh(2014) giúp quý khách làm chủ cuộc sống và thực hiện được ước mơ.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản SP để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Công ty TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC26/KDBH do BTC cấp ngày 17/01/2017; Vốn điều lệ: 117 triệu đô la Mỹ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 3810 0888; Fax: (028) 3997 3000

CHI TIẾT VỀ KHÁCH HÀNG

	Họ tên	Giới tính	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm (1)	Nguyễn Văn A	Nam	35	1
Bên mua bảo hiểm (2)	Nguyễn Văn A	Nam	35	1

THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị tính: VND

Sản phẩm	Người được BH	Tuổi khi kết thúc HĐ	Thời hạn hợp đồng (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu	Phí BH cơ bản ban đầu	Phí BH SP Bổ sung	Phí BH đóng thêm dự kiến(*)	Phí BH dự kiến (*)
An Tâm Hưng Thịnh (2014)	(1)	60	25	1.000.000.000	19.150.000		0	22.350.000
BH Tai Nạn Toàn Diện Nâng Cao	(1)	60	25	1.000.000.000		3.200.000		
Phí bảo hiểm cơ bản đóng theo định kỳ			Năm	Nửa năm	Quý			
			22.350.000	11.175.000	5.587.500			

(*) Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến cho năm đầu. Phí BH dự kiến và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và quyền lợi"

THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Họ và tên: Product Dummy Agent	Mã số: 158424	Văn phòng của TVTC: PA
--------------------------------	---------------	------------------------

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Các quyền lợi cơ bản của Sản phẩm An Tâm Hưng Thịnh(2014)

- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn:** là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 - 65 tuổi:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm số tiền nào nhỏ hơn của 1 tỷ hoặc 20% số tiền bảo hiểm của sản phẩm này.
- **Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65:** giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi đáo hạn:** là Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng:** Nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ đến thời điểm xem xét, Thưởng duy trì hợp đồng sẽ được tự động cộng thêm vào Giá trị tài khoản bằng một tỷ lệ phần trăm của tổng lãi đã tích lũy trong thời gian 36 tháng liền trước thời điểm xem xét tương ứng và có tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	3	6	9	12	15	18	21
Tỷ lệ thưởng duy trì hợp đồng	15%	15%	15%	35%	35%	35%	35%

- **Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung:** Quyền lợi đầu tư có thể tăng hoặc giảm. Trong mọi trường hợp, mức lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết là 4%/năm trong 5 năm đầu, 3%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 2%/năm trong các năm tiếp theo.

Quyền của Bên mua bảo hiểm Sản phẩm An Tâm Hưng Thịnh(2014)

- Quyền rút tiền mặt từ giá trị tài khoản hợp đồng
- Quyền tạm ứng tiền mặt từ giá trị tài khoản hợp đồng
- Quyền tăng, giảm Số tiền bảo hiểm
- Quyền tham gia Phí bảo hiểm đóng thêm

Quyền lợi bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung

- Sản phẩm Bảo hiểm Tai nạn toàn diện Nâng cao
 - Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% Số tiền bảo hiểm
 - Quyền lợi tử vong do tai nạn đặc biệt: 200% Số tiền bảo hiểm.
 - Quyền lợi thương tật do tai nạn: theo bảng tỷ lệ thương tật
 - Quyền lợi bảo hiểm nhận hỗ trợ chi phí nằm viện do tai nạn: 100.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú do chấn thương như quy định

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản SP để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

Ngày: 19/07/2017 01:50:41

Bên mua BH: Nguyễn Văn A

TVTC: Product Dummy Agent

Tài liệu chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và các trang có cùng số bảng minh họa

Số bảng minh họa: 158424-2017719135041

Mã số: 158424

Version: w1.7.1

Trang 3/8

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	Kể từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản	55%	40%	25%	20%	10%	7%	7%	5%	5%	3%
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm	9%	7%	7%	5%	5%	2%	2%	2%	2%	2%

- Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm.

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	Kể từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ Chi phí khai thác SP bổ sung	40%	20%	15%	15%	10%	2,5%

Riêng chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung BH Hỗ trợ Chi phí chữa trị Bệnh nan y, BH Hỗ trợ chi phí sinh hoạt, BH Chăm sóc sức khỏe, BH Bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện (nếu có tham gia) sẽ theo tỷ lệ chi phí ban đầu của sản phẩm chính.

- Chi phí bảo hiểm rủi ro là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo qui định của hợp đồng bảo hiểm.
 - Mức chi phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm. Mức chi phí bảo hiểm rủi ro là không đảm bảo và có thể thay đổi sau khi đã thông báo cho Bộ Tài Chính.
 - Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm và sẽ thay đổi hàng năm.
 - Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm An Tâm Hưng Thịnh = Mức chi phí bảo hiểm rủi ro * (Số tiền bảo hiểm - Giá trị tài khoản hợp đồng)
- Chi phí quản lý hợp đồng: là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Từ năm 2021 trở đi
Chi phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	27.000	29.100	31.400	33.900	36.600	39.500	42.600	45.000

- Phí quản lý quỹ: là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ là 2% giá trị tài sản đầu tư của quỹ trong năm
- Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Chi phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm, theo tỉ lệ như sau:

Năm hợp đồng	Từ năm thứ 1 đến 5	6	7	8	9	Kể từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ chi phí	100%	80%	60%	40%	20%	0%

Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ chi phí * Trung bình của phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó

- Chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng: là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ tính chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của Chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ % của số tiền rút so với Giá trị tài khoản hợp đồng. Chi phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm.

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

Số tiền bảo hiểm ban đầu: 1.000.000.000 đồng	Phí BH cơ bản ban đầu: 22.350.000 đồng
Quyền lợi BH tử vong: là giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng.	

Trong trường hợp việc Rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng làm cho Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi rút thấp hơn Số tiền bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng.

Đơn vị tính: đồng

Năm HD	Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí BH đóng thêm	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 4%/ năm cho 5 năm đầu của HD, 3%/ năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 2%/ năm cho những năm còn lại					Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư khác						Khoản tiền rút ra
				Chi phí BH rủi ro SP chính	Phí thuần SP Bổ sung	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản HD	Giá trị hoàn lại (*)	Lãi suất đầu tư tại mức 6%/ năm			Lãi suất đầu tư tại mức 8%/ năm			
									Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản HD	Giá trị hoàn lại (*)	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản HD	Giá trị hoàn lại (*)	
1	35	22.350.000		2.152.900	2.880.000		5.385.900			5.538.700				5.691.700	
2	36	22.350.000		2.280.700	2.880.000		14.475.300			14.966.700				15.465.100	
3	37	22.350.000		2.417.300	2.880.000	314.800	27.220.600	4.870.600	478.300	28.476.400	6.126.400	645.800	29.763.600	7.413.600	
4	38	22.350.000		2.564.700	2.880.000		40.972.300	18.622.300		43.149.700	20.799.700		45.412.000	23.062.000	
5	39	22.350.000		2.728.700	2.880.000		57.249.700	34.899.700		60.722.200	38.372.200		64.374.200	42.024.200	
6	40	22.350.000		2.910.500	2.880.000	935.400	75.027.100	57.147.100	1.633.900	81.665.300	63.785.300	2.265.500	87.821.800	69.941.800	
7	41	22.350.000		3.098.600	2.880.000		92.211.300	78.801.300		102.050.400	88.640.400		110.708.400	97.298.400	
8	42	22.350.000		3.295.600	2.880.000		110.105.200	101.165.200		123.877.200	114.937.200		135.663.100	126.723.100	
9	43	22.350.000		3.507.300	2.880.000	1.485.100	129.806.000	125.336.000	3.243.600	150.060.500	145.590.500	4.645.000	167.078.000	162.608.000	
10	44	22.350.000		3.714.600	2.880.000		148.796.600	148.796.600		174.800.100	174.800.100		196.626.700	196.626.700	
11	45	22.350.000		3.933.600	2.880.000		166.469.000	166.469.000		200.840.400	200.840.400		228.386.800	228.386.800	
12	46	22.350.000		4.167.200	2.880.000	4.004.600	188.263.300	188.263.300	12.162.600	240.424.100	240.424.100	18.081.700	280.628.200	280.628.200	
13	47	22.350.000		4.379.800	2.880.000		206.274.100	206.274.100		270.123.400	270.123.400		318.961.000	318.961.000	
14	48	22.350.000		4.620.600	2.880.000		224.401.600	224.401.600		301.458.700	301.458.700		360.290.100	360.290.100	
15	49	22.350.000		4.882.300	2.880.000	4.697.000	247.324.100	247.324.100	18.160.900	352.693.300	352.693.300	28.370.000	433.251.100	433.251.100	
16	50	22.350.000		5.129.300	2.880.000		265.758.500	265.758.500		388.846.500	388.846.500		483.889.100	483.889.100	
17	51	22.350.000		5.450.000	2.880.000		284.237.400	284.237.400		427.057.900	427.057.900		538.645.700	538.645.700	
18	52	22.350.000		5.796.100	2.880.000	5.936.300	308.672.300	308.672.300	25.641.100	493.119.300	493.119.300	42.265.300	640.191.200	640.191.200	
19	53	22.350.000		6.129.000	2.880.000		327.323.100	327.323.100		537.695.100	537.695.100		708.245.700	708.245.700	
20	54	22.350.000		6.533.300	2.880.000		345.938.200	345.938.200		584.986.900	584.986.900		782.190.600	782.190.600	
21	55	22.350.000		6.949.500	2.880.000	7.216.300	371.721.300	371.721.300	35.037.300	670.282.200	670.282.200	61.214.200	923.899.000	923.899.000	
22	56	22.350.000		7.280.300	2.880.000		390.469.400	390.469.400		726.347.200	726.347.200		1.017.375.800	1.017.375.800	
23	57	22.350.000		7.686.900	2.880.000		409.181.500	409.181.500		786.229.800	786.229.800		1.118.630.700	1.118.630.700	
24	58	22.350.000		8.093.500	2.880.000		427.856.700	427.856.700		850.332.900	850.332.900		1.227.985.900	1.227.985.900	
25	59	22.350.000		8.513.800	2.880.000		446.480.600	446.480.600		919.114.000	919.114.000		1.346.089.400	1.346.089.400	

Tổng phí BH dự tính 558.750.000

Lưu ý:

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí Bảo hiểm dự tính" đã bao gồm Phí BH đóng thêm
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH đóng thêm" được tính toán dựa trên giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết
- Giá trị ở cột "Phí Bảo hiểm rủi ro" minh họa cho Phí BH rủi ro ở mức lãi suất đầu tư cam kết
- Số tiền thể hiện ở cột "Khoản tiền rút ra" là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ Giá trị tài khoản hợp đồng và chi phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị tài khoản hợp đồng

Khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản có thể làm ảnh hưởng đến số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ sung tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).

- Bảng minh họa này dựa trên giả định:
 - Phí bảo hiểm trả theo định kỳ hàng năm; Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất, v.v... Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của hợp đồng, khách hàng nên thường xuyên theo dõi hợp đồng bảo hiểm của mình.
 - Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ trong thời hạn hợp đồng
 - Phí bảo hiểm rủi ro không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp

(*) Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận giá trị hoàn lại khi hợp đồng có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại trên đây được minh họa vào cuối mỗi năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại sẽ thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất thực tế của Quỹ Liên kết chung,... Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về giá trị hoàn lại trong Quy tắc, điều khoản hợp đồng.

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gân bó dài lâu.

Đơn vị tính: VNĐ

Năm HD	Tổng Phí bảo hiểm hàng năm	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính	Phí thuần Sản phẩm bổ sung	Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác	Quyền lợi đảm bảo			Quyền lợi không đảm bảo	Phí bảo hiểm định kỳ năm		
							Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính	Tổng số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung	Giá trị tài khoản HD tại mức lãi suất đầu tư đảm bảo	Giá trị tài khoản HD tại mức lãi suất đầu tư 8%/năm	BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y (*)	BH Chăm sóc sức khỏe (**)	BH Hỗ trợ chi phí sinh hoạt
1	22.350.000	423.000	2.152.900	2.880.000	8.617.500	1.920.000	1.000.000.000	1.000.000.000	5.385.900	5.691.700			
2	22.350.000	456.600	2.280.700	2.880.000	11.490.000	2.560.000	1.000.000.000	1.000.000.000	14.475.300	15.465.100			
3	22.350.000	492.600	2.417.300	2.880.000	14.362.500	2.720.000	1.000.000.000	1.000.000.000	27.220.600	29.763.600			
4	22.350.000	525.600	2.564.700	2.880.000	15.320.000	2.720.000	1.000.000.000	1.000.000.000	40.972.300	45.412.000			
5	22.350.000	540.000	2.728.700	2.880.000	17.235.000	2.880.000	1.000.000.000	1.000.000.000	57.249.700	64.374.200			
6	22.350.000	540.000	2.910.500	2.880.000	17.809.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	75.027.100	87.821.800			
7	22.350.000	540.000	3.098.600	2.880.000	17.809.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	92.211.300	110.708.400			
8	22.350.000	540.000	3.295.600	2.880.000	18.192.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	110.105.200	135.663.100			
9	22.350.000	540.000	3.507.300	2.880.000	18.192.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	129.806.000	167.078.000			
10	22.350.000	540.000	3.714.600	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	148.796.600	196.626.700			
11	22.350.000	540.000	3.933.600	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	166.469.000	228.386.800			
12	22.350.000	540.000	4.167.200	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	188.263.300	280.628.200			
13	22.350.000	540.000	4.379.800	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	206.274.100	318.961.000			
14	22.350.000	540.000	4.620.600	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	224.401.600	360.290.100			
15	22.350.000	540.000	4.882.300	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	247.324.100	433.251.100			
16	22.350.000	540.000	5.129.300	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	265.758.500	483.889.100			
17	22.350.000	540.000	5.450.000	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	284.237.400	538.645.700			
18	22.350.000	540.000	5.796.100	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	308.672.300	640.191.200			
19	22.350.000	540.000	6.129.000	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	327.323.100	708.245.700			
20	22.350.000	540.000	6.533.300	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	345.938.200	782.190.600			
21	22.350.000	540.000	6.949.500	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	371.721.300	923.899.000			
22	22.350.000	540.000	7.280.300	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	390.469.400	1.017.375.800			
23	22.350.000	540.000	7.686.900	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	409.181.500	1.118.630.700			
24	22.350.000	540.000	8.093.500	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	427.856.700	1.227.985.900			
25	22.350.000	540.000	8.513.800	2.880.000	18.575.500	3.120.000	1.000.000.000	1.000.000.000	446.480.600	1.346.089.400			

(*) Phí bảo hiểm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y từ lần gia hạn hợp đồng thứ 10 trở đi đã được giảm 10% với giả định phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung này đã được đóng đầy đủ trong 10 năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bổ sung này.

(**) Phí BH Chăm sóc sức khỏe bao gồm cả quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng (nếu khách hàng có chọn lựa tham gia thêm). Phí này là tổng phí Chăm sóc sức khỏe của tất cả Người được bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Chi phí bảo hiểm rủi ro và Chi phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết, ngoại trừ Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu.
- Các loại Chi phí trong hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa và phải được sự chấp thuận của Bộ Tài Chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung sẽ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính và có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng của hợp đồng bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ nhằm mục đích minh họa và không phải là một phần của hợp đồng bảo hiểm.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị tài khoản hợp đồng và giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản của hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh họa này
- Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 năm hợp đồng bảo hiểm đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có)

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong bảng minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung và phải đọc kỹ nội dung Qui tắc Điều khoản hợp đồng ngay khi hợp đồng được phát hành.

Họ và tên của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký của Bên mua bảo hiểm

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 158424, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này

Họ và tên của Tư vấn tài chính

Chữ ký của Tư vấn tài chính

Ngày/tháng/năm